

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày: 18-6-2021
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Hồng Nhật.

2. Ông Phạm Đức Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2021/TLST - DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa số: 02/2021/TB-TA ngày 11 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T

Địa chỉ: : Lầu x, y N, Phường x, Quận z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc L, Phó Giám đốc chi nhánh.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phan Thanh L1, sinh năm 1982, nhân viên ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Mai Đức K**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số a, tổ b, ngõ c, phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Ngày 12/03/2018, ông Mai Đức K có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) – Chi nhánh N Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Ngày 16/3/2018 căn cứ thu nhập của ông K, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ. Ông K phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Trách nhiệm thanh toán của Chủ thẻ: Chủ thẻ đồng ý đã nhận được thẻ khi thẻ đã có phát sinh giao dịch. Chủ thẻ, là cả chủ thẻ chính và bất kỳ và tất cả chủ thẻ phụ, chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do việc sử dụng thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản chi phí không hoàn lại, lệ phí và thuế theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán đầy đủ cho đơn vị phát hành thẻ mà không cần có bằng chứng hóa đơn được ký hay chứng từ khác. Trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ sẽ tiếp tục có hiệu lực trong trường hợp thẻ được làm mới hay được thay thế bởi đơn vị phát hành thẻ và cũng trong trường hợp thẻ bị chấm dứt vì bất cứ lý do gì. Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định: Vi phạm: Việc không thanh toán ít nhất Số Tiền Tối Thiểu của Chủ Thẻ cho đến kỳ phát hành Thông Báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong Trường Hợp này, toàn bộ tổng Dư Nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ Thẻ phải thanh toán.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 421.293.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 05/9/2019 ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 405.805.142 đồng.

Từ ngày 05/9/2019 ông K không trả nợ Ngân hàng, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông K không có thiện chí trả nợ. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán vi phạm điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là: Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán. ...Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ Thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn Vị Phát Hành Thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: Chấm Dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ; Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Đơn Vị Phát Hành Thẻ;

Ngày 05/01/2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 22,335,308 đồng làm nợ gốc. Như vậy từ thời điểm KH vi phạm đến trước khi chuyển nợ nhóm 3, ngân hàng có quyền chỉ áp dụng lãi suất trong hạn để hỗ trợ KH, từ khi KH chuyển nợ nhóm 3, Ngân hàng mới áp dụng mức lãi suất quá hạn 150% trên lãi trong hạn.

Theo Thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacobank số 2399/2019/TB-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T (đến nay vẫn còn hiệu lực) là 2,6%/tháng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 22.335.308 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/ tháng ($2.6\% \times 150\%$) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến ngày ông K thanh toán tiếp theo và lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ gốc còn lại.

Tính đến ngày 18/6/2021 ông K nợ Ngân hàng là: tiền gốc: 22.335.308 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 15.742.138 đồng (bao gồm lãi từ ngày 05/01/2020 đến 18/06/2021 có công thức tính như sau: Lãi 1 ngày là: $29.482.450 \times 3.9\% / 30 = 38,327$ đồng. Từ ngày 05/01/2020 đến ngày 05/02/2020 có 31 ngày với số tiền lãi là: $38,327 \times 31 = 1,188,137$ đồng. Từ ngày 05/02/2020 đến ngày 05/03/2020 có 29 ngày với số tiền lãi là : $(38,327 \times 7) + (29,036 \times 22) = 907,081$ đồng (Ngày 12/02/2020 Ông K trả vô: 7.147.142 đồng vào gốc cho nên từ ngày 06/02/2020 đến

12/02/2020 sẽ tính theo số nợ gốc: 29.482.450, từ ngày 13/02/2020 đến 18/6/2021 sẽ tính theo số tiền nợ gốc mới là: $29.482.450 - 7.174.142 = 22.335.308$ cho nên số tiền lãi 1 ngày là: $22.335.308 \times 3.9\% / 30 = 29.036$ đồng. Từ ngày 05/03/2020 đến ngày 05/04/2020 có 31 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 31 = 900,116$ đồng. Từ ngày 05/04/2020 đến ngày 05/05/2020 có 30 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 30 = 871,080$ đồng. Từ ngày 05/05/2020 đến ngày 05/06/2020 có 31 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 31 = 900,116$ đồng. Từ ngày 05/06/2020 đến ngày 05/07/2020 có 30 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 30 = 871,080$ đồng. Từ ngày 05/07/2020 đến ngày 05/08/2020 có 31 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 31 = 900,116$ đồng. Từ ngày 05/08/2020 đến ngày 05/09/2020 có 31 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 31 = 900,116$ đồng. Từ ngày 05/09/2020 đến ngày 05/10/2020 có 30 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 30 = 871,080$ đồng. Từ ngày 05/10/2020 đến ngày 05/11/2020 có 31 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 31 = 900,116$ đồng. Từ ngày 05/11/2020 đến ngày 05/12/2020 có 30 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 30 = 871,080$ đồng. Từ ngày 05/12/2020 đến ngày 05/01/2021 có 31 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 31 = 900,116$ đồng. Từ ngày 05/01/2021 đến ngày 05/02/2021 có 31 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 31 = 900,116$ đồng. Từ ngày 05/02/2021 đến ngày 05/03/2021 có 28 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 28 = 813,008$ đồng. Từ ngày 05/03/2021 đến ngày 05/04/2021 có 31 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 31 = 900,116$ đồng. Từ ngày 05/04/2021 đến ngày 05/05/2021 có 30 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 30 = 871.080$ đồng. Từ ngày 05/05/2021 đến ngày 05/06/2021 có 31 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 31 = 900.116$ đồng. Từ ngày 05/06/2021 đến ngày 18/06/2021 có 13 ngày với số tiền lãi là: $29.036 \times 13 = 377.468$ đồng. Đến ngày 18/6/2021 tổng lãi quá hạn là 15.742.138 đồng.

Đến nay Ngân hàng đề nghị Tòa giải quyết: Buộc ông K phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/6/2021 là: số tiền gốc là 22.335.308 đồng lãi quá hạn là 15.742.138 đồng; tổng cộng là: 38.077.446 đồng. Và ông K có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

*Tòa án đã tiến hành triệu tập đến lấy lời khai của ông K nhưng hiện tại ông K không có mặt tại nơi cư trú nên không lấy được lời khai. Đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực

hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 41, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 117, 119, 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ vào Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông K phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 12/3/2018, tính đến ngày 18/6/2021: Nợ gốc: 22.335.308 đồng; Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 18/6/2021 là 15.742.138 đồng, tổng cộng là 38.077.446 đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Án phí: Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện yêu cầu đòi tiền theo hợp đồng tín dụng do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận P, thành phố Hồ Chí Minh là nơi bị đơn có chỗ ở nhưng khi tiến hành xác minh không có chỗ ở như bị đơn khai trong hợp đồng. Bị đơn có nơi cư trú tại phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân quận P, thành phố Hồ Chí Minh chuyển hồ sơ và Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: thỏa thuận của Ngân hàng và ông K trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 12/3/2018 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội; thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Về số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), chi tiết Điều 22 như sau “Cách tính lãi: Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên tài khoản. Lãi được tính như sau: Đối với giao dịch mua hàng hóa (không áp dụng với thẻ tín dụng Family), phí, lệ phí và tất cả những khoản nợ khác trên tài khoản (ngoại trừ giao dịch rút tiền mặt): Nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn đầy đủ đúng hạn vào hoặc trước ngày đến hạn, chủ thẻ phải thanh toán lãi cho đơn vị phát hành thẻ đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong Thông báo giao dịch hiện tại và đối với bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trong tài khoản cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong Thông báo giao dịch mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến hết ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ. Đối với giao dịch mua hàng hóa bằng Thẻ tín dụng Family, lãi sẽ được tính từ thời điểm chủ thẻ thực hiện giao dịch cho đến hết ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã sử dụng. Đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt: lãi được tính từ ngày giao dịch cho đến hết ngày chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút. Việc thanh toán đối với các khoản dư nợ trên tài khoản được thực hiện theo thứ tự được quy định tại khoản mục 20. Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ”. Do vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông K phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền gốc là 22.335.308 đồng, lãi quá hạn là 15.742.138 đồng; tổng cộng là: 38.077.446 đồng và ông K có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ gốc theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, 8, 13

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.903.000 đồng (38.077.446 x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 41, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 117, Điều 119, Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ vào Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T. Buộc ông Mai Đức K phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 12/3/2018 số tiền là: Nợ gốc: 22.335.308 đồng; Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 18/6/2021 là 15.742.138 đồng, tổng cộng là 38.077.446 đồng (*Ba mươi tám triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Mai Đức K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất mà ông Mai Đức K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T.

[2]. Về án phí: Buộc ông Mai Đức K phải nộp 1.903.000 đồng (*Một triệu chín trăm linh ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền 656.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi sáu nghìn*

đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0042881 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T, ông Mai Đức K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương